

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/DSST

Ngày: 04-8-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Tá

2/ Ông Nguyễn Quốc Bảo

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Nữ Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* 1/ Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1972

2/ Nguyễn Thị Như T, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn Hòa Do 7, xã N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ hiện nay: 18 B, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 10 năm 2019). (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1955

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Hòa, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2019, bản tường trình ngày 23/12/2019, bản tự khai ngày 03/3/2020 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

bà Nguyễn Thị Minh Trang trình bày:

Ngày 17 tháng 01 năm 2019 bà Nguyễn Thị Như T và ông Nguyễn Tuấn A cho bà Bùi Thị L vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) để làm ăn, lãi suất theo thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng. Khi vay tiền bà L có cam kết sẽ trả gốc và lãi vào ngày 30/4/2019. Tuy nhiên sau khi nhận tiền vay bà L không thực hiện việc trả nợ theo cam kết, bà T, ông A đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền đã vay nhưng bà L không trả. Nay tôi đại diện cho nguyên đơn yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà L trả một lần số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 18/3/2020, bị đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Vào tháng 6 năm 2018, bà có vay của bà Nguyễn Thị Như T ba lần với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng) một ngày. Bà đóng đủ tiền lãi từ khi vay cho đến hết tháng 11 năm 2018 thì không đóng nữa vì bà không còn khả năng để đóng. Đến ngày 17 tháng 01 năm 2019 bà ra nhà cô T và cô T có yêu cầu tôi viết giấy nợ với số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) mục đích để cô T làm tin với chồng của cô.

Bà xác nhận giấy mượn và chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 17 tháng 01 năm 2019 là chữ viết của bà nhưng thực tế bà chỉ mượn 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Trong tổng số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 17 tháng 01 năm 2019 bà chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng, phương thức mỗi tháng trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ. Còn số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) còn lại bà không liên quan nên không có trách nhiệm trả.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa các đương sự tuân thủ đúng qui định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Bùi Thị L phải trả nợ vay 70.000.000 đồng. Bà Bùi Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Như T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị L trả nợ do vi phạm hợp đồng vay tài sản. Yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo qui định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Trang có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Bùi Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Về địa vị pháp lý của người tham gia tố tụng: Giấy vay tiền lập ngày 17/01/2019 chỉ có chữ ký của người vay bà Bùi Thị L nhưng không có chữ ký của người cho vay ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Như T. Tuy nhiên theo trình bày của đại diện nguyên đơn thì số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông A và bà T nên ông A và bà T cùng có yêu cầu khởi kiện, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 68 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự để xác định ông A và bà T là nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào giấy mượn tiền lập ngày 17/01/2019 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Trong ngày 17/01/2019 ông A, bà T có cho bà L vay số tiền 70.000.000 đồng, giấy mượn tiền có thỏa thuận bằng lời nói, có thể hiện về thời hạn vay từ ngày 17/01/2019 đến thời gian trả nợ vay 1 lần vào ngày 30/4/2019. Đến hạn trả nợ ông A, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà L phải trả nợ nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy ông A, bà T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà L phải trả 1 lần toàn bộ số tiền đã vay của bà là 70.000.000 đồng và không yêu cầu lãi.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ:

Bà L thừa nhận có ký vào giấy mượn tiền và hứa thời hạn cuối cùng trả nợ là vào ngày 30/4/2019. Bà L cho rằng thực tế bà chỉ vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) phương thức mỗi tháng trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ và tiền lãi 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng) một ngày, do hoàn cảnh khó khăn bà chỉ đóng đủ tiền lãi từ khi vay cho đến hết tháng 11 năm 2018 thì không còn khả năng trả lãi, bà không chấp nhận trả ông A, bà T 70.000.000 đồng mà bà chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng, số tiền còn lại bà cho rằng không liên quan nên không có trách nhiệm trả. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo đối chất nhưng bà L vắng mặt 02 lần không có lý do và bà L không có chứng cứ gì để chứng minh bà chỉ vay của ông A, bà T 20.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét thấy bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có nghĩa vụ trả cho ông A, bà T số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Ông A, bà T không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của ông A, bà T được Tòa án chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

70.000.000đồng x 5% = 3.500.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Như T.

1/ Buộc bà Bùi Thị L phải trả cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Như T 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng)

2/ Về án phí: Bà Bùi Thị L phải nộp 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Như T 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000852 ngày 21/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

3/ *Quy định*: Kể từ ngày ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Như T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Bùi Thị L chưa thi hành xong khoản tiền phải trả cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Như T. Hàng tháng, bà Bùi Thị L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Như T, bà Bùi Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Huy